TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: **14/2021/** DS-ST Ngày 12/5/2021 V/v "Đòi lại tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng giám sát công trình "	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT- TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Mai Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Trương Minh Thọ

2. Ông Vàng Huy Lập

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 12/5/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 313/2019/TLST – DS, ngày 01/12/2020 về việc *"Đòi lại tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng giám sát"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QDXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc V, sinh năm 1951.

Cư trú tại: Số 3E, đường H, Phường M, thành phố Đ, tỉnh L, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phương Đại N, sinh năm 1983, cư trú tại: Lô A11, đường T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 25/4/2017 và văn bản ủy quyền ngày 21/3/2020, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1966

Cư trú tại: Số 39A, đường H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Phương Đại N trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc V là Việt kiều hồi hương và có ý định đầu tư xây dựng hệ thống sân golf mini tại Đà Lạt. Do quá trình xúc tiến hoạt động đầu tư bà V có biết ông Trần Ngọc L. Qua sự tin tưởng trong các năm 2013 và 2014 ông Trần Ngọc L đã nhận của bà V số tiền 140.000.000đ với cam kết ông L mua vật liệu làm khuôn chướng ngại vật, làm điện gió, mua thép làm đường banh mini golf và trả tiền cho bên thiết kế nhà cho bà V. Sau khi nhận tiền thì ông L không thực hiện, bà V đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông L không trả lại số tiền đã nhận. Vì vậy tháng 4/2015 bà V đã làm đơn tố cáo ông L, tại cơ quan điều tra ông L thừa nhận có nhận của bà V số tiền nêu trên và hẹn tháng 9/2015 sẽ trả tuy nhiên đến nay ông L vẫn chưa trả nên bà V khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền 140.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của ông L về việc trả tiền công, tiền lương trong quá trình thực hiện dự án mini golf thì nguyên đơn không đồng ý vì bà V không thuê ông L như ông L đã yêu cầu, bà V không nợ ông L bất cứ khoản tiền nào.

- *Bị đơn ông Trần Ngọc L trình bày*: Đối với yêu cầu trả 140.000.000đ của bà V thì do bà V đưa tiền cho ông rất nhiều lần để thực hiện nhiều công việc nên ông không thể nhớ chính xác là bao nhiêu, và ông chỉ giải trình về các khoản tiền bà V đưa cho như sau:

+ Số tiền 40.000.000đ làm khuôn chướng ngại vật: Số tiền này ông đã đưa cho ông Nguyễn Tiến Quyền (địa chỉ tôi sẽ cung cấp sau) để làm chướng ngại vật bằng composit, sau đó trong quá trình thực hiện thì bà V trực tiếp làm việc với ông Quyền. Khi giao tiền ông Quyền có ký nhận ông sẽ cung cấp chứng từ sau.

+ Số tiền 20.000.000đ làm điện gió ông nhận và trực tiếp dùng số tiền này ông dùng để mua nam châm đất hiếm, linh kiện điện tử để làm điện gió, số vật tư này do bà V dừng hợp tác nên số vật tư này đến nay ông vẫn còn giữ.

+ Số tiền 60.000.000đ mua thép làm đường banh mini golf: Số tiền này bà V dừng hợp tác nên ông chưa sử dụng, hiện nay ông vẫn còn giữ số tiền này.

+ Số tiền 20.000.000đ thiết kế xây dựng nhà: Số tiền này ông chỉ nhận và giúp bà V giao lại cho công ty tư vấn Thịnh Đạt (do ông Trần Thế Hùng làm giám đốc), có hợp dồng dịch vụ giữa bà V và Công ty và Công ty Thịnh Đạt cũng đã giao sản phẩm cho bà V, tuy nhiên bà V muốn điều chỉnh thiết kế mà không tạm ứng nên Công ty đã dừng việc thiết kế. Do đó, số tiền này không liên quan gì đến ông, chứng từ chuyển cho công ty ông sẽ cung cấp sau.

+ Về yêu cầu phản tố đòi tiền lương trong khoảng thời gian từ tháng 10/12/2012 đến tháng 5/2014 là 17 tháng x 12.000.000đ/ tháng = 204.000.000đ ông vẫn giữ nguyên yêu cầu vì trước đây giữa ông và bà V đã thỏa thuận miệng với nhau là khi ông bỏ công sức ra giúp bà V thì bà sẽ cho tôi hưởng 20% cổ phần của Công ty Mini golf có thỏa thuận này ông mới đồng ý làm việc cho bà V.

Tại phiên tòa đại diện cho bà V ông Nghĩa giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông L không đồng ý và giữ nguyên yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, qua kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong các năm 2013 và 2014 ông Trần Ngọc L đã nhận của bà V số tiền 140.000.000đ với cam kết mua vật liệu làm khuôn chướng ngại vật, làm điện gió, mua thép làm đường banh mini golf và trả tiền thết kế nhà ở cho bà V; quá trình thực hiện các bên tranh chấp. Ngoài ra ông Trần Ngọc L cho rằng bà V đã thuê ông L giám sát việc thi công xây dựng hệ thống sân golf mini tại Đà Lạt, nhưng không trả tiền công cho ông. Ông có yêu cầu bà V trả tiền công giám sát số tiền 204.000.000đ. Do vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ *" Đòi lại tài sản"* và "*Tranh chấp hợp đồng giám sát"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

[2]. Ông L thừa nhận đã nhận tiền của bà V số tiền là 140.000.000đ và năm 2013 và 2014, mục đích nhận tiền là mua vật liệu làm khuôn chướng ngại vật, làm điện gió, mua thép làm đường banh mini golf, khi giao nhận tiền các bên tin tưởng nhau nên không lập giấy tờ. Sau khi nhận tiền ông L đã mua vật liệu các loại như đã thỏa thuận và đã thanh toán đầy đủ có hóa đơn cho bà V giữ, do vậy ông không đồng ý yêu cầu của bà V.

Bà V cung cấp cho Tòa án Biên bản làm việc tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, ngày 01/4/2015 với nội dụng: *"... Sau khi làm việc ông Trần Ngọc L đồng ý trả lại cho bà V số tiền như sau:*

1. 40.000.000đ làm khuôn rướng ngại vật.

2. 20.000.000đ điện gió.

3. 60.000.000đ mua thép làm đường ban mini golf.

4. Số tiền 20.000.000đ thiết kế xây dựng nhà (không sử dụng được).

Thời gian trả tiền trong vòng 5 tháng kể từ ngày 01/4/2015..."

Ông L thừa nhận thừa nhận chữ ký là đúng của ông, nhưng nay ông không đồng ý trả tiền cho bà V. Do ông Lại đã nhận tiền chiếm hữu không có căn cứ do vậy, buộc ông L phải trả lại số tiền đã nhận cho bà V là 140.000.000đ, đối với số tiền lãi bà V không có yêu cầu nên không xem xét.

Xét yêu cầu phản tố của ông L thấy rằng:

[4]. Đối với yêu cầu phản tố của ông L về việc trả tiền công trong quá trình giám sát thi công dự án mini golf, số tiền là 204.000.000đ. Ngoài lời trình bày ông L không cung cấp được các chứng cứ chứng minh bà V nợ tiền công đã thuê ông làm giám sát thi công dự án mini golf với số tiền 204.000.000đ. Bà V không đồng ý yêu cầu của ông L vì bà V không ký hợp đồng thuê ông L làm giám sát như ông L đã trình bày. Do vậy, yêu cầu của ông L không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông L phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 286; Điều 388 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 149 của Bộ luật Dân sự 2017.

- Áp dụng Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc V về việc " *Đòi lại tài sản*" với bị đơn là ông Trần Ngọc L

1.1. Ông Trần Ngọc L trả cho bà V số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà V có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong hàng tháng ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Bác yêu cầu của ông Trần Ngọc L về việc "*Tranh chấp hợp đồng giám sát"* đối với bà Lê Thị Ngoc V với tiền công giám sát thi công dự án mini golf là 204.000.000đ (hai trăm linh bốn triệu đồng).

2.1. Bà Lê Thị Ngoc V không phải trả cho ông Trần Ngọc L số tiền là 204.000.000đ (hai trăm linh bốn triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Ông Trần Ngọc L phải chịu 17.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền 5.100.000đ ông L đã nộp theo biên L số AA/2016/0001652 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông L còn phải nộp 12.100.000đ.

2.2. Trả cho bà Lê Thị Ngọc V 3.500.000đ đã nộp theo biên L số AA/2015/0008037 ngày 11/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Ngọc Lâm